TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2020/DS-PT

Ngày: 10-11-2020

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Lê Hoàng Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2020/TLPT-DS ngày 16/10/2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 489/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1945 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ P trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bà có tham gia 05 dây hụi do bà Nguyễn Thị A làm chủ hụi. Khoảng tháng 4 (âm lịch) năm 2020, bà A

tuyên bố bể hụi, bà với bà An thống nhất số tiền hụi bà A nợ bà là 75.500.000đồng, tuy nhiên đến nay bà A không thực hiện việc trả tiền hụi cho bà. Toàn bộ quá trình tham gia hụi, chồng bà A là ông Lê Văn Q đều biết rõ và thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Nay bà yêu cầu ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A liên đới trả cho bà số tiền hụi 75.500.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà thừa nhận quá trình tham gia hụi đúng như bà P trình bày, thừa nhận số tiền hụi còn nợ bà P là 75.500.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh của bà hiện nay khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị A, ông không biết việc chơi hụi giữa bà A với bà P nên không thừa nhận số tiền hụi 75.500.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, không đồng ý với yêu cầu của bà P.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà P, bà A thống nhất số tiền hụi bà A nợ bà P là 75.500.000đồng.

- Bà P yêu cầu bà A và ông Q liên đới trả cho bà một lần toàn bộ số tiền hụi 75.500.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà A xác định số nợ này là nợ riêng của bà và đồng ý trả nhưng xin trả dần trong khả năng của bà.

- Ông Q vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 471 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ P.

Buộc ông Lê Văn Quới, bà Nguyễn Thị A liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ P số tiền hụi 75.500.000 (bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng. Thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Mỹ P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A chậm thi hành việc trả tiền thì ông Q, bà A còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A phải liên đới chịu 3.775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mỹ P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà Lê Thị Mỹ P số tiền tạm ứng án phí 2.635.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20517 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 17/ 09 /2020 bị đơn ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà A được trả dần số nợ 75.500.000 đồng, ông Q kháng cáo yêu cầu không buộc ông phải có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày: Phía bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phía nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và phía bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí bởi do người cao tuổi theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bà có tham gia 05 dây hụi do bà Nguyễn Thị A làm chủ hụi. Khoảng tháng 4 (âm lịch) năm 2020, bà A tuyên bố bể hụi, bà với bà A thống nhất số tiền hụi bà An nợ bà là 75.500.000đồng, tuy nhiên đến nay bà A không thực hiện việc trả tiền hụi cho bà. Toàn bộ quá trình tham gia hụi, chồng bà A là ông Lê Văn Q đều biết rõ và thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Nay bà yêu cầu ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A liên đới trả cho bà số tiền hụi 75.500.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Án sơ thẩm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ P.

Buộc ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ P số tiền hụi 75.500.000 (bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng. Thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử phía bà A kháng cáo xin trả dần, phía ông Quới kháng cáo không đồng ý trả số nợ trên do ông và bà A ly thân từ lâu.

Xét thấy: Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả dần của bà A không được bà P đồng ý nên không có cơ sở cho Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Q không đồng ý liên đới trả, xét thấy bà An khai nhận hiện bà và ông Q vẫn cùng sống chung nhà, bà A làm đầu thảo rất nhiều dây hụi từ 17 năm nay, tiền hoa hồng các dây hụi đều để lo cho cuộc sống gia đình, cùng dây hụi này chị Trần Thị H cùng tham gia chung; tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2020 (bút lục 31), ông Quới thừa nhận số nợ hụi phát sinh từ các dây hụi của bà H tham gia là nợ chung của vợ chồng và đồng ý liên đới với bà An trả nợ hụi cho bà H nên bà P cho rằng số nợ hụi 75.500.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông Q, bà A là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, ông Q.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm nên ông Q, bà A có nộp đơn xin được miễn án phí với lý do là người cao tuổi, căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 11; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho phía bị đơn.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 11; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ P.

Buộc ông Lê Văn Quới, bà Nguyễn Thị A liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ P số tiền hụi 75.500.000 (bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng. Thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Mỹ P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A chậm thi hành việc trả tiền thì ông Q, bà A còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A, bà Lê Thị Mỹ P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm; Hoàn lại bà Lê Thị Mỹ P số tiền tạm ứng án phí 2.635.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20517 ngày 21/7/2020; Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A và ông Lê Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 20611 ngày 21/09/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong